TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100/**2021/HNGĐ-ST
Ngày 08/12/2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Nghệ

2. Ông Phạm Văn Vượng

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2021/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30/11/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lý Thị D, sinh năm 1992.

- *Bị đơn*: Anh Ma Tiến L, sinh năm 1992.

Cùng trú tại: Thôn M, xã M, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Lý Thị D và anh Ma Tiến L đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Tiến L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/02/2013 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn M, xã M, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không chịu khó làm ăn mà thường chơi bời dẫn đến vợ chồng chồng thường xuyên

cãi chửi nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Ma Thị Kim O, sinh ngày 03/10/2013. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu O, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2021 anh Ma Tiến L trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị D như chị D trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh L xác định vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2020. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 06/2021 đến nay không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau. Quan điểm của anh L là tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh L xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Ma Thị Kim O, sinh ngày 03/10/2013. Khi ly hôn anh nhất trí giao cháu O cho chị D nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Anh L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị D, xử cho cho chị Lý Thị D được ly hôn với anh Ma Tiến L. Giao cháu Ma Thị Kim O, sinh ngày 03/10/2013 cho chị Lý Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Tiến L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị D và anh L đều xác định không có nên không xem xét. Chị Lý Thị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lý Thị D và anh Ma Tiến L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do

vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lý Thị D và anh Ma Tiến L đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn M, xã Minh T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị Lý Thị D và anh Ma Tiến L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị D, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị D và anh L xác định: Chị D và anh L kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn M, xã M, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến khoảng năm 2018 - 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ma Tiến L chơi bời, nợ nần. Bản thân chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị Lý Thị D và anh Ma Tiến L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị D là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Qúa trình giải quyết ly hôn chị Lý Thị D có quan điểm muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Ma Tiến L có quan điểm nhất trí giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Qúa trình xác minh tại địa phương thể hiện: Chị D và anh L có 01 con chung là cháu Ma Thị Kim O, sinh ngày 03/10/2013. Từ thời điểm vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay cháu đều do chị D và bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Ma Thị Kim O, sinh ngày 03/10/2013 cho chị Lý Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Tiến L không phải cấp dưỡng nuôi con, anh L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị D và anh L đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lý Thị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Ma Tiến L không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân

và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị D về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Ma Tiến L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị D được ly hôn với anh Ma Tiến L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ma Thị Kim O, sinh ngày 03/10/2013 cho chị Lý Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Tiến L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, đưa đón con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001750 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ma Tiến L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh